TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/KDTM-ST
Ngày 27-10-2022
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST- KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐST-KDTM, ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2022/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q(VAMC);

Địa chỉ trụ sở chính: H H1, phường L, quận H2, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ- Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên;

Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (G Bank) theo "Hợp đồng ủy quyền" số 5873/2014/UQ.VAMC2-G BANK ngày 18/11/2014 và "Hợp đồng sửa đổi, bổ

sung Hợp đồng ủy quyền số 5873/2014/UQ.VAMC2-G BANK ngày 18/11/2014" số 1808/2017/UQ1.VAMC2-G BANK ngày 15/03/2017;

Địa chỉ: Số M Tr, quận H2, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D: Ông Phạm Huy Th- Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D: Ông Đinh Công H3– Chức vụ: Giám đốc G Bank Chi nhánh Th1, Ông Nguyễn Quốc Kh– Chức vụ: Giám đốc G Bank Chi nhánh Th1, Ông Đinh Tiến L1 - Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh, Ông Trần Xuân H4- Chức vụ: Phó phòng kinh doanh, Ông Nguyễn Huy H5 - Chức vụ: Nhân viên kinh doanh theo Giấy ủy quyền số 72/2018/UQ - TGĐ ngày 29/08/2018 của Tổng Giám đốc G Bank;

Địa chỉ liên hệ: Tầng M1 Tòa nhà V, CTH, phường Tr, quận C, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2

Địa chỉ trụ sở theo ĐKKD: Xóm C1, thôn Ph, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Anh Lê Thanh L2, sinh năm 1993 - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng H6, nhà A, Khu tập thể Đ1, phường Y, quận T, Thành phố Hà Nội

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Mai H7, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số M4 A1, tổ B, thị trấn Đ2, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

- Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1968

- Bà Trần Thị Minh H8, sinh năm 1976

- Anh Nguyễn Quang Th3, sinh năm 1997

- Anh Nguyễn Quang M2, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: Tổ H10, thị trấn Đ2, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

- Ông Trần Văn H9, sinh năm 1968

- Bà Trương Thị S, sinh năm 1973

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1998

- Chị Trần Thị Q1, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Thôn Th4, xã Th5, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Quốc T1, Bà Trần Thị Minh H8, Anh Nguyễn Quang Th3, Anh Nguyễn Quang M2, Ông Trần Văn H9, bà Trương Thị S, anh Trần Văn Q, chị Trần Thị Q1 là bà Trần Thị Mai H7, sinh năm 1973 theo Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022

Địa chỉ: Số M4 A1, tổ B, thị trấn Đ2, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

- Ông Trương Công Tr1, sinh năm 1982

- Bà Trần Thị V1, sinh năm 1986

- Cháu Trương Minh H11, sinh năm 2010

- Cháu Trương Thị Bích H12, sinh năm 2013

- Cháu Trương Phúc Th6, sinh năm 2019

Người đại diện theo pháp luật của cháu H11, cháu H12, cháu Th6 là ông Tr1 và bà V1 (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Cùng địa chỉ: Tổ B1, thị trấn Đ2, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

- Ông Nguyễn Đình C2, sinh năm 1954

- Bà Ngô Thị S1, sinh năm 1959

- Anh Nguyễn Đình H13, sinh năm 1982

- Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1985

- Cháu Nguyễn Đình H14, sinh năm 2006

- Cháu Nguyễn Đình Ngọc A2, sinh năm 2009

Người đại diện theo pháp luật của cháu H14 và cháu A2 là anh H13 và chị Nh (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã V2, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông C2, bà S1, anh H13 là chị Lê Thị Khánh L3, sinh năm 1995 và anh Phạm Văn A3, sinh năm 1995 (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2021)

Địa chỉ liên hệ: Số M3, ngõ N1 N2, phường Y, quận H15, Thành phố Hà Nội

- Ông Đỗ Xuân Tr2, sinh năm 1968

- Bà Nguyễn Thị Thu H16, sinh năm 1968

- Ông Đỗ Xuân T2, sinh năm 1942

- Bà Nguyễn Thị Th7, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Gi1, xã L4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội

(Ông H5, ông L1, anh L2, Bà H17, ông Tr1, anh H13, chị Nh có mặt tại phiên tòa; chị L3, chị V1, ông Tr2, ông T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ*

án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 13/06/2011 Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Thăng Long nay đổi tên thành "Ngân hàng TM TNHH MTV D- Chi nhánh Thăng Long" (G Bank) và Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay theo mức dư nợ tối đa: 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng).

Số tiền đã giải ngân: Lần thứ nhất là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 01/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 13/06/2011 và Lần thứ hai là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng /lần và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàn trong từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 13/06/2011 là:

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 05b1+07b+08a, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Thôn N3, xã B1, huyện S2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309122 do UBND huyện S2cấp ngày 22/7/2009, đăng ký mang tên bà Phạm Anh T3(đã giải chấp tài sản bảo đảm).

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số M5, Nhà X, CTCPSXKD VT T4, Thị trấn Đ2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 782278 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 23/08/2006, hồ sơ gốc số 875/QĐ-UB/2006/50/2006 đăng ký mang tên Ông Nguyễn Quốc T1 và Bà Trần Thị Minh H8 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 01768.11, quyển số 06 TP/CC –SCC/HĐGD ngày 13/06/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 13/06/2011.

- Ngày 16/08/2011 Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Thăng Long nay đổi tên thành "Ngân hàng TM TNHH MTV D- Chi nhánh Thăng Long" (G Bank) và Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 và Phụ lục

Hợp đồng tín dụng ngày 14/09/2011, Hợp đồng này đã bao gồm cả hạn mức cũ (Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 và khế ước nhận nợ kèm theo). Hợp đồng hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 có nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay theo mức dư nợ tối đa: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Số tiền đã giải ngân: Lần thứ nhất là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011; Lần thứ hai là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011; Lần thứ ba là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011 và Lần thứ tư là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng /lần và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàn trong từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011 là:

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 05b1+07b+08a, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Thôn N3, xã B1, huyện S2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309122 do UBND huyện S2cấp ngày 22/7/2009, đăng ký mang tên bà Phạm Anh T3(đã giải chấp tài sản bảo đảm).

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số M5, Nhà X, CTCPSXKD VT T4, Thị trấn Đ2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 782278 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 23/08/2006, đăng ký mang tên Ông Nguyễn Quốc T1 và Bà Trần Thị Minh H8 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 01768.11, quyển số 06 TP/CC –SCC/HĐGD ngày 13/06/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 13/06/2011.

Tài sản bảo đảm thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004, đăng ký mang tên hộ gia đình Nguyễn Đình C2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02988.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011.

Tài sản bảo đảm thứ tư: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: Thôn Gi1, xã L4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 122764 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 18/07/2011, đăng ký mang tên ông Đỗ Xuân Tr2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02987.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011.

Tài sản bảo đảm thứ năm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61, địa chỉ thửa đất: Kho T5, xã U1, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK762910 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 26/12/2007, đăng ký mang tên bà Phạm Thanh C3, ngày 26/10/2009 đăng ký chuyển nhượng cho bà Trần Thị V1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03795.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011.

Tài sản bảo đảm thứ sáu: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 158, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất: Thôn Th4, xã Th5, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 504618 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 08/08/2011, đăng ký mang tên Ông Trần Văn H9 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03794.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã tất toán khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 01/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 13/06/2011 vì vậy ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 05b1+07b+08a, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Thôn N3, xã B1, huyện S2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309122 do UBND huyện S2 cấp ngày 22/7/2009, đăng ký mang tên bà Phạm Anh T3. Đối với các khoản vay còn lại Công ty cổ phần

Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 829.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 257.700.190 đồng. Hiện nay số dư nợ gốc còn lại là 5.671.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi và vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng G Bank đã gửi thông báo yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 cùng với các chủ tài sản bảo đảm bàn giao tài sản bảo đảm cho G Bank xử lý theo đúng quy định nhưng Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 cùng với các chủ tài sản bảo đảm không thực hiện theo yêu cầu của G Bank, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên G Bank đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn.

Thực hiện chủ trương của ngân hàng nhà nước, ngày 18/11/2014 G Bank đã bán toàn bộ khoản nợ trên của Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 cho Công ty Q theo Hợp đồng mua, bán nợ số 5872/2014/MBN.VAMC2-G Bank, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng mua bán nợ số: 3708/2019/MBN.VAMC-G BANK ngày 26/12/2019.

Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q, VAMC khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải thanh toán cho Công ty Q: Toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) tạm tính đến ngày 27/10/2022 là: 30.086.964.860 đồng (Trong đó nợ gốc phải trả: 5.671.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 421.490.894 đồng; Nợ lãi quá hạn: 22.445.227.543 đồng; Nợ lãi chậm trả: 1.549.246.423 đồng).

- Buộc Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 không thanh toán được khoản nợ nêu trên cho Công ty Q, thì VAMC có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên là:

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số M5, Nhà X, CTCPSXKD VT T4, Thị trấn Đ2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 782278 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 23/08/2006, đăng ký mang tên Ông Nguyễn Quốc T1 và Bà Trần Thị Minh H8 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 01768.11, quyển số 06 TP/CC –SCC/HĐGD ngày 13/06/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 13/06/2011.

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004, đăng ký mang tên hộ gia đình Nguyễn Đình C2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02988.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011.

Tài sản bảo đảm thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: Thôn Gi1, xã L4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 122764 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 18/07/2011, đăng ký mang tên ông Đỗ Xuân Tr2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02987.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011.

Tài sản bảo đảm thứ tư: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61, địa chỉ thửa đất: Kho T5, xã U1, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK762910 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 26/12/2007, đăng ký mang tên bà Phạm Thanh C3, ngày 26/10/2009 đăng ký chuyển nhượng cho bà Trần Thị V1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03795.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa

chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011.

Tài sản bảo đảm thứ năm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 158, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất: Thôn Th4, xã Th5, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 504618 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 08/08/2011, đăng ký mang tên Ông Trần Văn H9 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03794.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011.

Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo kết quả đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp số tiền phát mại từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ để trả nợ thì Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Q cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***** Bị đơn là Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 do anh Lê Thanh L2 là người đại diện theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh L2 là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2, chức vụ của anh L2 là Giám đốc. Anh L2 làm Giám đốc công ty Th2 từ ngày 22/7/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 22/7/2016) do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp. Anh L2 làm Giám đốc công ty Th2là do bác anh L2 - bà Phạm Anh T3(đã chết) nhờ anh L2 đứng lên làm giám đốc. Nhưng anh L2 không quản lý con dấu và các hoạt động của công ty Thanh Hoa. Hiện nay công ty Th2không còn trụ sở và cũng không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Anh L2 được Tòa án thông báo cho biết ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của anh L2 là: Do việc vay tiền và thế chấp tài sản cho việc vay tiền giữa ngân hàngD và công ty Th 2là do bà Trần Thị Mai H7 - giám đốc cũ của công ty Th2 đứng ra thực hiện và do khi anh L2 làm giám đốc nhưng thực tế anh L2 không quản lý hoạt động của công ty Th2 và cũng không được bàn giao bất cứ công việc gì của công ty Th2 từ giám đốc cũ vì vậy anh L2 không biết việc vay tiền và thế chấp tài sản cho việc vay tiền giữa ngân hàng D và công ty Th2 cho đến khi

được Tòa án thông báo cho anh L2. Anh L2 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về việc Chị L3 - Đại diện ủy quyền của Người có quyền lợi liên quan là hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2 yêu cầu tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng theo quy định pháp luật thì thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng thế chấp đã hết vì vậy yêu cầu Tòa án đình chỉ vụ án, anh L2 không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh L2 không có yêu cầu phản tố.

Anh L2 đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Anh L2 không thắc mắc hay khiếu nại gì về kết quả xem xét thẩm định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác.

Anh L2 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Anh L2 không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ gì. Anh L2 không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Anh L2 không có yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Mai H7, Ông Nguyễn Quốc T1, Bà Trần Thị Minh H8, Anh Nguyễn Quang Th3, Anh Nguyễn Quang M2, Ông Trần Văn H9, bà Trương Thị S, anh Trần Văn Q, chị Trần Thị Q1, ông Trương Công Tr1, bà Trần Thị V1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày:

Bà H17 quen vợ chồng bà Phạm Anh T3, ông Lê Đình H18. Năm 2010 bà T3 mua xưởng chế biến cám của Công ty CP dinh dưỡng Quốc Tế. Bà T3 nhờ Bà H17 đứng ra làm giám đốc của Công ty CP dinh dưỡng Q1 sau này chuyển sang Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2.

Việc vay tiền giữa Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 và Ngân hàng G Bank do bà T3 đàm phán rồi bảo Bà H17 ký Hợp đồng và các giấy tờ liên quan.

Vợ chồng anh H9, bà S; vợ chồng ông T1, bà H8 và vợ chồng ông Tr1, bà V1 do có nhu cầu vay vốn nên đã nhờ Bà H17 vay tiền ngân hàng hộ qua Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2. Bà H17 đồng ý và nhờ bà T3 làm thủ tục vay tiền. Vì vậy vợ chồng anh H9, bà S; vợ chồng ông T1, bà H8 và vợ chồng ông Tr1, bà V1 thế chấp tài sản của ông, bà là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số M5, Nhà X, CTCPSXKD VT T4, Thị trấn Đ2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 782278 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 23/08/2006, đăng ký mang tên Ông Nguyễn Quốc T1 và Bà Trần Thị Minh H8; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61, địa chỉ thửa đất: Kho T5, xã U1, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK762910 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 26/12/2007, đăng ký mang tên bà Phạm Thanh C3, ngày

26/10/2009 đăng ký chuyển nhượng cho bà Trần Thị V1; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 158, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất: Thôn Th4, xã Th5, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 504618 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 08/08/2011, đăng ký mang tên Ông Trần Văn H9 cho Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 để vay tiền của G Bank. Tuy nhiên, sau khi vay được tiền của ngân hàng thì bà T3 không đưa lại tiền cho vợ chồng anh anh H9, bà S; vợ chồng ông T1, bà H8 và vợ chồng ông Tr1, bà V1. Năm 2017 bà T3 chết nên không có ai trả nợ. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà H17 đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho vợ chồng anh H9, bà S; vợ chồng ông T1, bà H8 và vợ chồng ông Tr1, bà V1 lấy lại GCN QSDĐ.

Hiện nay trên nhà đất của gia đình ông T1 có Ông Nguyễn Quốc T1, Bà Trần Thị Minh H8, Anh Nguyễn Quang Th3, Anh Nguyễn Quang M2 đang sinh sống thường xuyên.

Hiện nay trên nhà đất của gia đình anh H9 có Ông Trần Văn H9, bà Trương Thị S, anh Trần Văn Q, chị Trần Thị Q1 đang sinh sống thường xuyên.

Hiện nay trên nhà đất của gia đình bà V1 có ông Trương Công Tr1, bà Trần Thị V1, cháu Trương Minh H11, cháu Trương Thị Bích H12, cháu Trương Phúc Th6 đang sinh sống thường xuyên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Xuân Tr2 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông Tr2 là chủ sử dụng của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: Thôn Gi1, xã L4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 122764 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 18/07/2011, đăng ký mang tên ông Đỗ Xuân Tr2. Ông Tr2 có cho Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 mượn sổ đỏ của thửa đất trên để thế chấp vay tiền của G Bank. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trường đề nghị được miễn toàn bộ lãi và xin trả hết nợ gốc để lấy lại nhà đất.

Hiện nay trên nhà đất thế chấp có ông Đỗ Xuân T2 và bà Nguyễn Thị Th7 đang sinh sống thường xuyên.

Ông Tr2 xin giải quyết vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Xuân T2 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông T2 đã được Tòa án đã được Tòa án nhân dân huyện G thông báo về việc đang giải quyết vụ án KDTM sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST- KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn - Công ty TNHH MTV Q và bị đơn - Công ty CP xây dựng chế

biến và thương mại Th2. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của ông T2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện nay do đang bận công việc nên ông T2 xin được vắng mặt không tham gia giải quyết, xét xử vụ án và đề nghị tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông T2 không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình C2, bà Ngô Thị S1, anh Nguyễn Đình H13 do chị Lê Thị Khánh L3, anh Phạm Văn A3 đại diện theo ủy quyền và chị Nguyễn Thị Nh trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày:

Hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2 là chủ sử dụng của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004, đăng ký mang tên hộ gia đình Nguyễn Đình C2.

Hộ gia đình ông C2 có cho Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 mượn sổ đỏ của thửa đất trên để thế chấp vay tiền của G Bank. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, gia đình ông đề nghị công ty Th2thực hiện nghĩa vụ trả nợ để trả lại nhà đất cho gia đình ông.

Hiện nay trên nhà đất thế chấp có ông Nguyễn Đình C2, bà Ngô Thị S1, anh Nguyễn Đình H13, chị Nguyễn Thị Nh, cháu Nguyễn Đình H14, cháu Nguyễn Đình Ngọc A2 đang sinh sống thường xuyên.

Qua việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị L3 xin được đưa ra ý kiến như sau:

Thứ nhất: Bà Trần Thị Mai H7 không có tư cách pháp lý để đại diện cho Công ty Th2 làm việc với Ngân hàng GP banh kể từ ngày thay đổi đại diện theo pháp luật của Công ty từ Bà H17 qua anh Lê Thanh L2.

Theo thông tin Bà H17 cung cấp, từ năm 2014, bà đã không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty Th2. Và gần đây nhất, Công ty Th2 thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11 vào ngày 22/07/2016, thời điểm đó trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thể hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty là anh Lê Thanh L2. Thế nhưng tại rất nhiều Biên bản làm việc và các tài liệu tại Ngân hàng G bank từ năm 2016 đến nay, Bà H17 đều đứng vai trò là người đại diện Công ty Th2 để làm việc. Trong hồ sơ bên phía Nguyễn đơn cung cấp cho Tòa án cũng không có bất cứ văn bản ủy quyền nào thể hiện

việc anh Lê Thanh L2 ủy quyền cho bà Trần Thị Mai H7 làm việc với ngân hàng G Bank liên quan đến khoản nợ của Công ty.

Vì vậy, toàn bộ các văn bản có chữ kỹ của bà Mai H17 từ ngày 22/07/2016 đến nay đều không có giá trị pháp lý. Việc Bà H17 không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ thời điểm nào sẽ được làm rõ sau khi chị L3 nhận được văn bản trả lời của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Thứ hai: Thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết.

Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".

Trong thời gian từ khi Bên Công ty Th2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng G Bank - chi nhánh Th1 đã có rất nhiều Biên bản làm việc ba bên về việc thu hồi nợ (Năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017) và cho đến thời điểm cuối cùng là ngày 9/8/2017, bà Trần Thị Mai H7 – người đứng tư cách đại diện Công ty Th2 phát biểu: "Công ty làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Hiện nay, Công ty dừng hoạt động nên không có nguồn thu để trả nợ ngân hàng".

Vì vậy, thời điểm tính thời hiệu khởi kiện là ngày 09/08/2017 – Thời điểm cuối cùng xác định quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng G Bank bị xâm phạm do Công ty Th2 không còn khả năng trả nợ.

Tại đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q đề ngày 23/09/2020, (không rõ ngày bưu chính đóng dấu trên phong bì gửi, ngày Tòa án nhận được đơn là ngày 28/09/2020), tính từ ngày 09/08/2017 đến ngày 23/09/2020 là 03 năm 01 tháng 14 ngày. Vậy, thời hiệu khởi kiện đối với vụ án đã hết (quá 01 tháng 14 ngày).

Thông qua những nội dung trên, kính đề nghị Tòa án:

- Thu thập tài liệu để làm rõ thời điểm bà Mai H17 không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty Th2. Từ đó, chấp thuận hoặc không chấp nhận các biên bản làm việc và các tài liệu khác có chữ ký của bà Trần Thị Mai H7.

- Áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án, ra quyết định đình chỉ vụ án nếu xét thấy đã hết thời hiệu khởi kiện.

Trong Trường hợp Tòa án xác định Bà H17 không có thẩm quyền đại diện Công ty Th2 làm việc với ngân hàng GP Bank – chi nhánh Th1 về khoản nợ của Công ty thì đề nghị Tòa án xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là thời điểm cuối cùng có văn bản nhận nợ của Công ty Th2 có giá trị pháp lý.

Ngoài ra chị L3 có ý kiến: Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 02988.11 ngày 10/08/2011, gia đình ông C2 có nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay của Công ty CP Xây dựng Chế biến và Thương mại Th2 với Ngân hàng thương mại MTV D – Chi nhánh Th1 bằng tài sản bảo đảm là: Nhà đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2.

Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 02988.11 ngày 10/08/2011, gia đình ông C2 có nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay của Công ty CP Xây dựng Chế biến và Thương mại Th2 với Ngân hàng thương mại MTV D – Chi nhánh Thăng Long bằng tài sản bảo đảm là: Nhà đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2.

Căn cứ theo điểm a, Khoản 5 của Hợp đồng thế chấp số công chứng 02988.11 ngày 10/08/2011 ghi rõ: "Nghĩa vụ bảo đảm sẽ phát sinh từ thời điểm bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ" đồng thời căn cứ vào Bộ luật dân sự 2015, cụ thể tại điều 429, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng và Điều 688 về Điều khoản chuyển tiếp, chị L3 xác định thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng thế chấp và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của gia đình ông C2 đối với Công ty TNHH MTV Q là hết thời hiệu khởi kiện.

Chính vì vậy, bằng văn bản này, chị L3 yêu cầu tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện về hợp đồng để ra quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H16 và bà Nguyễn Thị Th7 không đến Tòa án để làm việc cũng như không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã nhiều lần tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để bà H16 và bà Th7 biết để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với những vấn đề cụ thể mà VAMC yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, bà H16 và bà Th7 không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do bà H16 và bà Th7 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự khác đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện cơ bản đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ: Trong đó nợ gốc là: 5.671.000.000 đồng; Nợ lãi tính theo lãi suất trong hạn: 421.490.894 đồng và lãi quá hạn 10.961.569.261 đồng (tính theo lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng /lần và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ).

Nếu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên và tổ chức phát mại các tài sản đã thế chấp còn lại để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 với Công ty TNHH MTV Q(VAMC).

Vụ án thụ lý ngày 23/11/2020, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Công ty Q và Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn là Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 có đăng ký trụ sở chính tại Xóm C1, thôn Ph, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện G thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3]. Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện:

Căn cứ theo Hợp đồng mua, bán nợ số 5872/2014/MBN.VAMC2-G Bank, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng mua bán nợ số: 3708/2019/MBN.VAMC-G BANK ngày 26/12/2019, ngày 18/11/2014 G Bank đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 cho Công ty Q. Do vậy, Công ty Q có quyền khởi kiện. Phù hợp với quy định tại Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp vướng mắc có nêu" Đối với các tranh chấp phát

sinh từ giao dịch dân sự như hợp đồng thuê nhà, thuê tài sản, hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân, tập thể với nhau (không phải là hợp đồng tín dụng) thì thời hiệu khởi kiện áp dụng theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy trong vụ án tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên không áp dụng thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mặt khác, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa G Bank và Công ty Th2 đã nhiều lần lập biên bản làm việc về việc đôn đốc trả nợ, lần cuối vào năm 2017 thì các đương sự đều thừa nhận nghĩa vụ của mình và xin khất nợ. Ngày 11/12/2017 và ngày 27/02/2018 VAMC đã làm đơn khởi kiện Công ty Th2 đến Tòa án nhân dân huyện S2 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chưa hết thời hiệu khởi kiện.

[5]. Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị V1, ông Đỗ Xuân Tr2, ông Đỗ Xuân T2 và chị Lê Thị Khánh L3 - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2 có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H16 và bà Nguyễn Thị Th7 từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thì bà H16 và bà Th7 không đến Tòa án, và vắng mặt lần 2 không có lý do chính đáng. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt lần thứ hai mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ".

Do vậy việc Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Thời điểm các bên giao kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, thì Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật; Luật đang có hiệu lực pháp luật để giải quyết vụ án.

[6]. Việc hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Th1 nay đổi tên thành "Ngân hàng TM TNHH MTV D- Chi nhánh Th1" (G Bank) có đầy đủ tư cách pháp nhân. Để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, giữa G Bank và Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 do bà Trần Thị Mai H7 làm Giám đốc tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng đã ký kết các Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011,

Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) với tổng số tiền thực tế giải ngân là 10.000.000.000 đồng.

Xét việc hai bên ký kết hợp đồng tín dụng là tự nguyện, đúng thẩm quyền; hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, các Hợp đồng tín dụng trên có giá trị thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã tất toán khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 01/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 13/06/2011 vì vậy ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 05b1+07b+08a, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Thôn N3, xã B1, huyện S2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309122 do UBND huyện S2 cấp ngày 22/7/2009, đăng ký mang tên bà Phạm Anh T3. Đối với các khoản vay còn lại Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 829.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 257.700.190 đồng. Hiện nay số dư nợ gốc còn lại là 5.671.000.000 đồng.

Như vậy, Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Nay VAMC khởi kiện yêu cầu buộc Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải trả nợ gốc là 5.671.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Về yêu cầu trả nợ lãi: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) mà các bên đã ký kết thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quả hạn do nguyên đơn xuất trình, các tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực hiện các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên, G Bank đã giải ngân cho Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 mới tất toán khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 01/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 13/06/2011 vì vậy ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 05b1+07b+08a, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Thôn N3, xã B1, huyện S2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309122 do UBND huyện S2 cấp ngày 22/7/2009, đăng ký mang tên bà Phạm Anh T3. Đối với các

khoản vay còn lại Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 mới thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 829.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 257.700.190 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa G Bank và Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 tính đến ngày 27/10/2022 là: 30.086.964.860 đồng (Trong đó nợ gốc phải trả: 5.671.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 421.490.894 đồng; Nợ lãi quá hạn: 22.445.227.543 đồng; Nợ lãi chậm trả: 1.549.246.423 đồng). Tuy nhiên, tại Điều 2 và Các điều khoản chung của các Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) quy định: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ của G Bank 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của G Bank tại thời điểm điều chỉnh căn cứ theo các Quyết định về việc áp Ban hành "các biểu lãi suất áp dụng tại các Chi nhánh trong hệ thống G Bank". Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Đối chiếu với quy định tại các khế ước nhận nợ nêu trên thì nguyên đơn đã không thực hiện việc điều chỉnh lãi suất như nội dung trong hợp đồng. Nguyên đơn đã xuất trình bảng kê chi tiết cách tính lãi suất. Xác định bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn là 421.490.894 đồng và nợ lãi quá hạn là 10.961.569.261 đồng. Số tiền lãi quá hạn theo yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là 11.483.658.282 đồng do không có quyết định điều chỉnh lã suất.

Đối với yêu cầu lãi chậm trả là 1.549.246.423 đồng của nguyên đơn, căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật Dân sự năm 2005 không quy định việc phạt lãi nhiều lần (lãi chồng lãi) do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu lãi chậm trả của nguyên đơn.

[8]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số:12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu*

khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17/10/2016 Tòa án nhân dân Tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[9]. Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

Để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 tại G Bank theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên, G Bank đã nhận các tài sản thế chấp theo tỷ lệ bảo đảm của từng tài sản như sau:

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số M5, Nhà X, CTCPSXKD VT T4, Thị trấn Đ2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 782278 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 23/08/2006, đăng ký mang tên Ông Nguyễn Quốc T1 và Bà Trần Thị Minh H8 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 01768.11, quyển số 06 TP/CC –SCC/HĐGD ngày 13/06/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 13/06/2011. Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa là 1.074.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004, đăng ký mang tên hộ gia đình Nguyễn Đình C2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02988.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011. Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa là 2.445.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: Thôn Gi1, xã L4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 122764 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 18/07/2011, đăng ký mang tên ông Đỗ Xuân Tr2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02987.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011. Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa là 1.478.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ tư: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61, địa chỉ thửa đất: Kho T5, xã U1, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK762910 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 26/12/2007, đăng ký mang tên bà Phạm Thanh C3, ngày 26/10/2009 đăng ký chuyển nhượng cho bà Trần Thị V1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03795.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011. Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa là 802.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ năm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 158, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất: Thôn Th4, xã Th5, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 504618 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 08/08/2011, đăng ký mang tên Ông Trần Văn H9 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03794.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011. Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa là 992.000.000 đồng.

Xét hợp đồng thế chấp các tài sản trên đã được thỏa thuận, ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết, nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thế chấp đã được công chứng

và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 122, 124, 318, 319, 323, 342, 343, 715, 716, 717, 719 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 167 Luật Đất Đai; Khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm. Tài sản thế chấp đã ký giữa các bên là toàn bộ quyền sử dụng đất và mọi tài sản gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Do vậy các hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng thế chấp. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp nêu trên theo quy định pháp luật. Sau khi được Tòa án thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp, ông Nguyễn Huy H5 – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến là nếu trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì sẽ xử lý như diện tích đo được trong thực tế. Chị Lê Thị Khánh L3 - Đại diện ủy quyền của Người có quyền lợi liên quan là ông Nguyễn Đình C2, bà Ngô Thị S1 và anh Nguyễn Đình H13 có ý kiến đề nghị Tòa án xác minh làm rõ về việc hiện trạng diện tích đất của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số Y 636412 do UBND huyện Đ2, Hà Nội cấp ngày 19/02/2004, đứng tên hộ ông Nguyễn Đình C2 theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 25/11/2021 (có sơ đồ kèm theo) của Tòa án nhân dân huyện G ít hơn so với diện tích của thửa đất trên theo GCN QSDĐ đã cấp. Qua xác minh, Tòa án nhân dân huyện G được Ủy ban nhân dân xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân huyện Đ2, Thành phố Hà Nội và Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 cung cấp cho Tòa án được biết thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2 đang sử dụng hiện nay không có tranh chấp gì với các hộ liền kề. Kích thước các cạnh của thửa đất số 29 của hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2 theo Biên bản kiểm tra hiện trạng và xác minh mốc giới, kích thước, hình thể, diện tích thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân xã V4 lập ngày 15/10/2003 phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định ngày 25/11/2021 (có sơ đồ kèm theo) của Tòa án nhân dân huyện G. Do vậy việc hiện trạng diện tích đất hộ gia đình ông Nguyễn Đình C2 đang sử dụng đối với

thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội ít hơn so với diện tích đất của thửa đất số 29 ghi trong "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số Y 636412 do UBND huyện Đ2, Hà Nội cấp ngày 19/02/2004, đứng tên hộ ông Nguyễn Đình C2 là do sai số đo đạc. Vì vậy diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo kết quả đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

[10]. Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả nợ.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền không được chấp nhận theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Các Điều 342, 343, 344, 347, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

- Thông tư số 12/2010 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH MTV Q đối với Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2. Buộc Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải trả cho Công ty TNHH MTV Q số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0024/HĐTDHM-GPBTLG/11, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0046/HĐTDHM-GPBTLG/11, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo (Khế ước nhận nợ số 02/KƯ/0024/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 14/06/2011, Khế ước nhận nợ số 03/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 04/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 05/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/08/2011, Khế ước nhận nợ số 06/KƯ/0046/HĐTDHM-GPBTLG/11 ngày 16/09/2011) tính đến ngày 27/10/2022 là: 17.054.060.155 đồng (Trong đó nợ gốc phải trả: 5.671.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 421.490.894 đồng; Nợ lãi quá hạn: 10.961.569.261 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi quá hạn của Công ty TNHH MTV Q đối với Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2. Số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận là 11.483.658.282 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của Công ty TNHH MTV Q đối với Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 là 1.549.246.423 đồng.

2. Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Q(VAMC) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên và tổ chức phát mại các tài sản đã thế chấp để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 với VAMC, cụ thể các tài sản thế chấp là:

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số M5, Nhà X, CTCPSXKD VT T4, Thị trấn Đ2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 782278 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 23/08/2006, đăng ký mang tên Ông Nguyễn Quốc T1 và Bà Trần Thị Minh H8 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số

Công chứng 01768.11, quyển số 06 TP/CC –SCC/HĐGD ngày 13/06/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 13/06/2011. Phạm vi bảo đảm là 897.152.199 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 66.679.859 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.734.120.257 đồng, tổng cộng là 2.697.952.315 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ3, xã V4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 636412 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 19/02/2004, đăng ký mang tên hộ gia đình Nguyễn Đình C2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02988.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011. Phạm vi bảo đảm là 2.041.560.000 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 151.736.722 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.946.164.934 đồng, tổng cộng là 6.139.461.656 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất: Thôn Gi1, xã L4, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 122764 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 18/07/2011, đăng ký mang tên ông Đỗ Xuân Tr2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 02987.11, quyển số 08 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 10/08/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 12/08/2011. Phạm vi bảo đảm là 1.234.009.600 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 91.716.419 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.385.237.471 đồng, tổng cộng là 3.710.963.490 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ tư: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61, địa chỉ thửa đất: Kho T5, xã U1, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK762910 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 26/12/2007, đăng ký mang tên bà Phạm Thanh C3, ngày 26/10/2009 đăng ký chuyển nhượng cho bà Trần Thị V1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03795.11, quyển số 09

TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011. Phạm vi bảo đảm là 669.745.100 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 49.778.075 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.294.561.330 đồng, tổng cộng là 2.014.084.505 đồng.

Tài sản bảo đảm thứ năm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 158, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất: Thôn Th4, xã Th5, huyện Đ2, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 504618 do UBND huyện Đ2 cấp ngày 08/08/2011, đăng ký mang tên Ông Trần Văn H9 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn ngân hàng số Công chứng 03794.11, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/09/2011 do Văn phòng công chứng V3 – Địa chỉ: Số B2 Gi, quận B3, thành phố Hà Nội công chứng. Việc thế chấp Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ2 ngày 14/09/2011. Phạm vi bảo đảm là 828.533.100 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 61.579.820 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.601.485.269 đồng, tổng cộng là 2.491.598.189 đồng.

Việc xử lý tài sản thế chấp phải tiến hành theo đúng thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp và quy định của pháp luật.

Khi xử lý tài sản thế chấp thì chủ sử dụng tài sản thế chấp có nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp, thì những người có hộ khẩu thường trú hoặc không có hộ khẩu, nhưng thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên cũng phải thi hành quyết định của cơ quan Thi hành án dân sự và chuyển đi nơi khác. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo kết quả đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho VAMC thì Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho VAMC theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải trả cho VAMC thì số tiền còn lại sau khi thanh toán các khoản nợ được trả cho chủ sử dụng tài sản thế chấp.

Trường hợp Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 trả được toàn bộ khoản nợ trên thì VAMC có trách nhiệm trả lại chủ sử dụng tài sản thế chấp giấy tờ nhà đất đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Xây dựng chế biến và Thương mại Th2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 125.054.060 đồng.

Công ty TNHH MTV Qphải chịu 121.032.905 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu nợ lãi không được chấp nhận. Được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 66.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0005661 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Công ty TNHH MTV Qcòn phải chịu 54.282.905 đồng.

7. Về quyền kháng cáo.

Án xử công khai sơ thẩm;

- Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án DS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP/TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thành Nam